

Số: /GPMT-UBND

Nam Định, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Xét Văn bản của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định: Số 199/CV-CĐCNĐ-QLDA ngày 07/5/2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; số 315/CV-CĐCNĐ ngày 16/6/2025 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3547/TTr-SNNMT ngày 19/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định (gọi tắt là Nhà trường) địa chỉ trụ sở tại Km 6, Quốc lộ 10, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Km 6, Quốc lộ 10, xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

1.3. Quyết định số 1339/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30/3/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp II.

1.4. Quyết định số 2165/QĐ-BCT ngày 14/12/2007 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định giai đoạn 2005 - 2020.

1.5. Mã số thuế: 0600334364.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở đào tạo.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường: Cơ sở có diện tích 17.415,8 m² (Theo tổng diện tích thực tế kết quả đo đạc của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nam Định năm 2024).

- Cơ sở hoạt động tương đương tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Nhà trường hoạt động với quy mô 19.900 học viên và 535 cán bộ, công nhân viên.

- Quy trình hoạt động: Tuyển sinh học viên → Đào tạo học viên → Học viên, giáo viên ở nội trú hoặc ngoại trú trong quá trình đào tạo → Hoàn thành đào tạo.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không

đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Vụ Bản, UBND xã Thành Lợi nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 698/QĐ-STNMT ngày 07/4/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Vụ Bản;
- UBND xã Thành Lợi;
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu ký túc xá.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà hiệu bộ.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh xưởng thực hành.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu Tiên Hương tại xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

2.2. Vị trí xả nước thải

02 dòng nước thải, trong đó:

- Dòng nước thải số 01: Sau hệ thống xử lý nước thải của khu ký túc xá và khu vực nhà ăn (gọi tắt là Hệ thống xử lý nước thải số 01).

Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2255160$; $Y(m) = 566032$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Dòng nước thải số 02: Sau hệ thống xử lý nước thải của khu nhà hiệu bộ và xưởng thực hành (gọi tắt là Hệ thống xử lý nước thải số 02).

Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2255230$; $Y(m) = 566049$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $400 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh (từ 04 nguồn thải) được dẫn về 02 hệ thống xử lý tập trung công suất thiết kế $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}/1$ hệ thống. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) được dẫn ra 02 hố ga trước khi chảy ra kênh Tiên Hương theo phương thức tự chảy qua 02 cửa xả.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày và không theo chu kỳ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($C_{\max} = C$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h		06 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề nghị Nhà trường	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	pH	-	5 - 9		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	TSS	mg/l	100		
5	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000		
6	Sunfua	mg/l	4,0		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Phosphat	mg/l	10		
12	Tổng Coliform	MNP/100ml	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Dòng nước thải số 01: Sau hệ thống xử lý nước thải của khu ký túc xá và khu vực nhà ăn (gọi tắt là Hệ thống xử lý nước thải số 01)

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực ký túc xá được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ rồi được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải số 01 công suất 200 m³/ngày.đêm trước khi thải ra kênh tiêu Tiên Hương.

- Dòng nước thải số 02: Sau hệ thống xử lý nước thải của khu nhà hiệu bộ và xưởng thực hành (gọi tắt là Hệ thống xử lý nước thải số 02)

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà hiệu bộ và xưởng thực hành được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại vào hệ thống xử lý nước thải số 02 công suất 200 m³/ngày.đêm trước khi thải ra kênh tiêu Tiên Hương.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ 02 hệ thống xử lý nước thải số 01 và 02 xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) trước khi chảy ra kênh tiêu Tiên Hương

tại 02 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 10 bể tự hoại có tổng thể tích khoảng 149 m³.

- Công trình xử lý nước thải: Nhà trường đã đầu tư xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m³/ngày.đêm/hệ thống với quy trình công nghệ xử lý giống nhau như sau: Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa trung gian 1 → Bể lọc Dinamix bậc 1 → Bể chứa trung gian 2 → Bể lọc Dinamix 2 → Khử trùng UV → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)) → Kênh tiêu Tiên Hương qua 2 cửa xả.

- + Công suất thiết kế: Tổng công suất 400 m³/ngày.đêm.

- + Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh khoảng 50 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Nhà trường không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi 02 hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, Nhà trường cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải sau hai hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) mới cho thải ra kênh tiêu Tiên Hương qua 02 cửa xả.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ tháng 7/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm của khu ký túc xá và nhà ăn (Hệ thống xử lý nước thải số 01).

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm của khu nhà hiệu bộ và xưởng thực hành (Hệ thống xử lý nước thải số 02).

2.3. Vị trí lấy mẫu: 04 mẫu, trong đó

- Đối với hệ thống xử lý nước thải số 01: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hoà và nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày.đêm.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải số 02: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hoà và nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất

200 m³/ngày.đêm.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.6 phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải ít nhất 01 ngày/lần (02 mẫu nước thải đầu vào tại 02 hệ thống xử lý nước thải và ít nhất 03 mẫu nước thải đầu ra tại 02 hố ga sau 02 hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 200 m³/ngày.đêm, trước khi thải ra kênh tiêu Tiên Hương trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Vụ Bản, UBND xã Thành Lợi để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà trường bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh tiêu Tiên Hương qua 02 cửa xả. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà trường và có sổ nhật ký vận hành trạm xử lý.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

- Cam kết đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo nước thải sau xử lý QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Kể từ ngày 01/01/2032, duy trì vận hành, đầu tư hệ thống xử lý nước thải để đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT (cột B).

- Chủ động, kiểm soát chất lượng nước thải thải ra sau hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nước thải sau xử lý, nhà trường phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Vụ Bản, UBND xã Thành lợi để kịp thời xử lý./.

Phụ lục II
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	350
2	Bao bì, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	KS	80
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	120
4	Chất thải y tế	13 01 01	NH	10
5	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có thành phần nguy hại	08 01 01	KS	60
	Tổng			620

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

Rác thải công nghiệp thông thường tại nhà trường phát sinh chủ yếu từ hoạt động giảng dạy của trường khoảng 280 kg/ngày. Thành phần gồm: Vải vụn, sắt thép vụn, bìa cartoon,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 15.000 kg/năm. Thành phần gồm: Giấy vụn, vỏ chai, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải được kiểm soát

Không có vì Nhà trường đã quản lý như CTNH.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Trong kho CTNH bố trí 05 thùng dung tích 100 lít chứa CTNH riêng biệt, trên các thùng chứa CTNH được dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa CTNH

- Nhà trường bố trí kho chứa CTNH diện tích khoảng 15 m² phía Bắc của Nhà trường. Kho xây kín, có mái che, nền lát gạch, có cửa khóa, biển tên và biển cảnh báo.

- Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được Nhà trường thu gom, phân loại tại nguồn. Tại khu vực giảng dạy sẽ bố trí các thùng rác có dung tích khoảng 200 lít để lưu giữ tạm thời.

- Nhà trường đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Mỗi khoa phòng đều bố trí thùng đựng chất thải y tế cho từng loại chất thải theo quy định. Cuối ngày, rác thải sinh hoạt được nhân viên thu gom và chuyển đến các thùng rác thải sinh hoạt 100 lít, tập kết tạm thời trước khi đưa đi xử lý.

- Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải đảm bảo nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.
- Bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo quy định.

- Niêm yết nội quy phòng cháy chữa cháy, tiêu lệnh chữa cháy, biển cấm, biển báo đảm bảo chỉ dẫn bố trí các bình chữa cháy xách tay tại các vị trí thuận lợi khi sử dụng, số lượng và chủng loại đảm theo quy định hiện hành.

3. Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai

- Trong mùa mưa lũ, nhà trường phối hợp với địa phương bố trí lực lượng thường trực phòng chống lũ lụt trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo thông thoát nước tốt.

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện khi không hoạt động.

- Đầu tư hệ thống phòng chống sét: Hệ thống chống sét sẽ được dẫn xuống bằng các dây dẫn và nối tới hệ thống tiếp địa chung. Hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ và hệ thống cải tiến theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của nhà trường./.

Phụ lục III

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Nhà trường không thuộc đối tượng phải yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Nhà trường không thuộc đối tượng phải yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định có trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực nhà trường.

- Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi nhà trường hoạt động. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Công khai kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng trường. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới nhất.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan (đất đai, xây dựng, quy hoạch,...).

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.